

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG SHINHAN – AN THỊNH

Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Nghịệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Ưu điểm của sản phẩm



Bảo vệ tài chính trước rủi ro tử vong, Thương tậ toàn bộ vĩnh viễn



Hưởng lãi suất đầu tư ổn định với Quỹ liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết



Gia tăng khoản tích lũy với các khoản thưởng duy trì hợp đồng hấp dẫn



Nhận 20% Số tiền bảo hiểm khi đạt 80 Tuổi



Chủ động và linh hoạt đối với khoản đầu tư thêm

Thông tin doanh nghiệp bảo hiểm

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SHINHAN LIFE VIỆT NAM

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính

Giấy phép thành lập và hoạt động số 85/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/02/2021 và Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC01/KDBH cấp ngày 18/02/2025

Vốn điều lệ: 2.320 tỷ đồng

Trụ sở chính: Tầng 17, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại Lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1 – Số 15, đường Trần Bạch Đằng, P. Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 73009920

Tổng đài CSKH: 1900998800

Email CSKH: chamsockhachhang@shinhanlife.biz.vn

Website: <https://shinhanlifevn.com.vn>

Tham khảo thông tin các Văn phòng kinh doanh và Trung tâm dịch vụ khách hàng của chúng tôi tại trang thông tin điện tử: <https://shinhanlifevn.com.vn/#/life/service/location>

Thông tin về Đại lý bảo hiểm cá nhân

Họ và tên:

NGUYỄN NHẬT NAM ANH

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm:

AVC008888

Mã số đại lý:

AG012345

Ghi chú: Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung Shinhan – An Thịnh là tên thương mại của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung đóng phí định kỳ.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khách hàng

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nghề nghiệp	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm (BMBH)	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	35	Nhân viên văn phòng	Nhóm 1
Người được bảo hiểm 1	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	5	Học sinh, sinh viên	Nhóm 1
Người được bảo hiểm 2	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	35	Nhân viên văn phòng	Nhóm 1
Người được bảo hiểm 3	HOÀNG THẢO MY	Nữ	32	Nhân viên văn phòng	Nhóm 1

2. Thông tin Hợp đồng bảo hiểm (HĐBH) dự kiến tham gia

Đơn vị tính: đồng

Người được bảo hiểm	Sản phẩm bảo hiểm	Điều kiện bảo hiểm ⁽¹⁾	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm	Thời hạn đóng phí (dự kiến)	Phí bảo hiểm định kỳ năm
NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung SHINHAN – AN THỊNH ⁽²⁾	Chuẩn	2.000.000.000	94 năm	30 năm	17.100.000
	Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện	Chuẩn		1 năm	1 năm	
	<i>Chương trình bảo hiểm: Titan</i>					
	- Quyền lợi Điều trị nội trú					2.731.000
	- Quyền lợi Điều trị ngoại trú					1.795.000
NGUYỄN ANH TUẤN	Sản phẩm bảo hiểm Tử vong và Thương tật do Tai nạn	Chuẩn	2.000.000.000	30 năm	30 năm	3.260.000
	Sản phẩm bảo hiểm Miễn thu phí do Bệnh hiểm nghèo	Chuẩn		30 năm	30 năm	2.349.000
HOÀNG THẢO MY	Sản phẩm bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nâng cao	Chuẩn	2.000.000.000	30 năm	30 năm	13.518.000
TỔNG PHÍ BẢO HIỂM THEO ĐỊNH KỲ NĂM CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM:						40.753.000

LỰA CHỌN ĐỊNH KỲ ĐÓNG PHÍ CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM:

Đơn vị tính: đồng

Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí	☐ Quý	☐ Nửa năm	☒ Năm
NGUYỄN THỊ THÚY TIỀN			
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung SHINHAN – AN THỊNH:			
- Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ	4.275.000	8.550.000	17.100.000
- Phí bảo hiểm đóng thêm theo định kỳ ⁽³⁾ (dự kiến)	725.000	1.450.000	2.900.000
Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện Chương trình bảo hiểm: Titan	1.268.000	2.400.000	4.526.000
NGUYỄN ANH TUẤN			
Sản phẩm bảo hiểm Tử vong và Thương tật do Tai nạn	913.000	1.728.000	3.260.000
Sản phẩm bảo hiểm Miễn thu phí do Bệnh hiểm nghèo	658.000	1.245.000	2.349.000
HOÀNG THẢO MY			
Sản phẩm bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nâng cao	3.786.000	7.165.000	13.518.000
TỔNG PHÍ BẢO HIỂM THEO ĐỊNH KỲ CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	11.625.000	22.538.000	43.653.000

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Điều kiện bảo hiểm được xác định dựa trên tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp của NĐBH và theo quy định thẩm định của Shinhan Life Việt Nam.
- ⁽²⁾ Thời hạn đóng phí bắt buộc của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung Shinhan – An Thịnh là 3 Năm hợp đồng đầu tiên. Trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, BMBH phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ. Kể từ Năm hợp đồng thứ 4 trở đi, BMBH có thể linh hoạt đóng Phí bảo hiểm cơ bản nhưng phải luôn đảm bảo Giá trị tài khoản hợp đồng đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.
- ⁽³⁾ Đây là khoản Phí bảo hiểm đóng thêm mà BMBH dự kiến đóng trong Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm đóng thêm trong các Năm hợp đồng tiếp theo (nếu có) được minh họa tại mục III của tài liệu này. Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt quá 5 lần mức Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng hiện tại. Shinhan Life Việt Nam có thể thay đổi giới hạn Phí bảo hiểm đóng thêm mỗi năm hoặc từ chối nhận Phí bảo hiểm đóng thêm tại từng thời điểm và sẽ cập nhật quy định này tại website của Shinhan Life Việt Nam.
- ⁽⁴⁾ Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện là 01 năm (trường hợp tham gia trong Năm hợp đồng, thời hạn bảo hiểm được tính từ Ngày hiệu lực sản phẩm đến ngày liền trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng kế tiếp). Sản phẩm bảo hiểm này được tái tục hàng năm vào Ngày tái tục sản phẩm theo điều khoản, điều kiện quy định cụ thể tại Điều 2 Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này.
- ⁽⁵⁾ Phí bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện có thể được điều chỉnh theo Chương trình bảo hiểm, (các) quyền lợi bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm lựa chọn tham gia, Tuổi bảo hiểm, giới tính, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp và nơi cư trú của Người được bảo hiểm tại (các) Ngày tái tục của sản phẩm bảo hiểm này. Vui lòng tham khảo chi tiết tại bảng Minh họa phí bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện nêu dưới đây.

Đây là sản phẩm bảo hiểm được cung cấp bởi Shinhan Life Việt Nam. Việc tham gia bảo hiểm không phải là điều kiện bắt buộc để sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của tổ chức tín dụng/đại lý bảo hiểm tổ chức.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. Tóm tắt quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm

Quyền lợi sản phẩm bảo hiểm	Điều kiện nhận quyền lợi	Số tiền chi trả												
Người được bảo hiểm 1: HOÀNG QUỐC VIỆT														
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG SHINHAN – AN THỊNH														
A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO (*)														
Quyền lợi bảo hiểm tử vong	NĐBH tử vong trong thời gian HĐBH đang có hiệu lực.	Nhận giá trị lớn hơn giữa 2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm xác định tại thời điểm NĐBH tử vong.												
Quyền lợi Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV)	NĐBH bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong thời gian HĐBH đang có hiệu lực và trước khi NĐBH đạt 75 Tuổi.	Nhận giá trị lớn hơn giữa 2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm xác định tại thời điểm NĐBH thỏa điều kiện TTTBVV.												
B. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ														
Hưởng lãi đầu tư từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung	• Quyền lợi đầu tư tại mức lãi suất cam kết: BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung trong thời gian HĐBH đang có hiệu lực. Quyền lợi đầu tư này sẽ được tích lũy vào Giá trị tài khoản hợp đồng theo mức lãi suất đầu tư được công bố tại website https://shinhanlifevn.com.vn/thong-tin-lai-suat. Trong mọi trường hợp, Shinhan Life Việt Nam đảm bảo mức lãi suất cam kết tối thiểu như sau: <table><tr><td>Năm hợp đồng</td><td>Năm 1</td><td>Năm 2-5</td><td>Năm 6 – 10</td><td>Năm 11 – 15</td><td>Từ Năm 16 trở đi</td></tr><tr><td>Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm)</td><td>3,5%</td><td>3,0%</td><td>2,5%</td><td>1,5%</td><td>0,5%</td></tr></table> • Quyền lợi đầu tư tại mức lãi suất minh họa (khác lãi suất cam kết): Kết quả tính toán quyền lợi tại mức lãi suất minh họa được thể hiện tại mục 1.3 và mục 2.3 phần III của Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này. Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa đảm bảo cho mức lãi suất đầu tư trong tương lai. Lãi suất minh họa nêu tại tài liệu này được đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu của Shinhan Life Việt Nam. Ghi chú: (i) Cách tính toán các khoản phí bảo hiểm đem đi đầu tư được nêu tại điểm a), điểm b) mục 3 của tài liệu này. (ii) Mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và danh mục đầu tư của Quỹ liên kết chung được mô tả tại mục 4.1 của tài liệu này.		Năm hợp đồng	Năm 1	Năm 2-5	Năm 6 – 10	Năm 11 – 15	Từ Năm 16 trở đi	Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	1,5%	0,5%
Năm hợp đồng	Năm 1	Năm 2-5	Năm 6 – 10	Năm 11 – 15	Từ Năm 16 trở đi									
Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	1,5%	0,5%									

Quyền lợi sản phẩm bảo hiểm	Điều kiện nhận quyền lợi	Số tiền chi trả					
C. CÁC QUYỀN LỢI KHÁC							
Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng định kỳ	Trong mỗi giai đoạn 04 Năm hợp đồng xét thưởng, HĐBH cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (i) Tổng các khoản Phí bảo hiểm cơ bản của 04 Năm hợp đồng trong giai đoạn xét thưởng đã được đóng đầy đủ; và (ii) HĐBH chưa từng mất hiệu lực; và (iii) BMBH không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.	Vào cuối Năm hợp đồng thứ 04 và mỗi 04 năm liên tiếp sau đó cho đến cuối Năm hợp đồng thứ 20, Giá trị tài khoản cơ bản được cộng thêm một khoản thưởng như sau:					
		Cuối Năm hợp đồng thứ	4	8	12	16	20
		(%) Giá trị trung bình tháng của Giá trị tài khoản cơ bản trong 48 tháng liền kề trước thời điểm xét thưởng	3,0%	3,0%	3,5%	3,5%	4,0%
Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng đặc biệt	Trong mỗi giai đoạn 10 Năm hợp đồng xét thưởng, HĐBH cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (i) Tổng các khoản Phí bảo hiểm cơ bản của 10 Năm hợp đồng trong giai đoạn xét thưởng đã được đóng đầy đủ; và (ii) HĐBH chưa từng mất hiệu lực; và (iii) BMBH không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.	• Cuối Năm hợp đồng thứ 10: 50% Phí bảo hiểm cơ bản tại đầu Năm hợp đồng đầu tiên. • Cuối Năm hợp đồng thứ 20: 150% Phí bảo hiểm cơ bản tại đầu Năm hợp đồng thứ 11.					
Quyền lợi An vui Tuổi vàng	HĐBH còn hiệu lực tại thời điểm chi trả quyền lợi này.	Cộng vào Giá trị tài khoản cơ bản số tiền bằng 300.000.000 đồng vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng trùng hoặc ngay sau ngày sinh nhật lần thứ 80 của NĐBH.					
Quyền lợi Đáo hạn	HĐBH còn hiệu lực đến Ngày đáo hạn hợp đồng.	Nhận 100% Giá trị tài khoản hợp đồng xác định tại Ngày đáo hạn hợp đồng.					
SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN DIỆN CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM: TITAN							
Quyền lợi Điều trị nội trú	NĐBH Điều trị nội trú trong thời gian Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực. <i>Lưu ý: Shinhan Life Việt Nam chi trả quyền lợi bảo hiểm này với điều kiện NĐBH điều trị bệnh</i>	Phạm vi bảo hiểm và số tiền chi trả cho Quyền lợi Điều trị nội trú của Chương trình bảo hiểm Titan được trình bày chi tiết tại Bảng chi tiết Quyền lợi Điều trị nội trú của Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện nêu ở phần sau.					

Quyền lợi sản phẩm bảo hiểm	Điều kiện nhận quyền lợi	Số tiền chi trả	
	<i>và/hoặc tổn thương sau khi kết thúc Thời gian chờ^(***), ngoại trừ trường hợp điều trị tổn thương do Tai nạn.</i>		
Quyền lợi Điều trị ngoại trú	NĐBH Điều trị ngoại trú trong thời gian Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực. <i>Lưu ý: Shinhan Life Việt Nam chi trả quyền lợi bảo hiểm này với điều kiện NĐBH điều trị bệnh và/hoặc tổn thương sau khi kết thúc Thời gian chờ^(***), ngoại trừ trường hợp điều trị tổn thương do Tai nạn.</i>	Phạm vi bảo hiểm và số tiền chi trả cho Quyền lợi Điều trị ngoại trú của Chương trình bảo hiểm Titan được trình bày chi tiết tại Bảng chi tiết Quyền lợi Điều trị ngoại trú của Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện nêu ở phần sau.	
Người được bảo hiểm 2: NGUYỄN ANH TUẤN			
SẢN PHẨM BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN ^(**)			
Quyền lợi bảo hiểm Thương tật do Tai nạn	NĐBH bị Thương tật do Tai nạn trong thời gian Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực.	Tỷ lệ % của 2.000.000.000 đồng tùy thuộc vào tình trạng Thương tật của NĐBH như được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này, tối đa 2.000.000.000 đồng.	<i>Lưu ý: Trong mọi trường hợp, tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả cho các sự kiện bảo hiểm Thương tật do Tai nạn, Bỏng do Tai nạn, Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn, Gãy xương do Tai nạn xảy ra trong suốt Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này sẽ không vượt quá 2.000.000.000 đồng.</i>
Quyền lợi bảo hiểm Bỏng do Tai nạn	NĐBH bị Bỏng do Tai nạn trong thời gian Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực.	Tỷ lệ % của 2.000.000.000 đồng tùy thuộc vào mức độ Bỏng của NĐBH như được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này, tối đa 2.000.000.000 đồng.	
Quyền lợi bảo hiểm Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn	NĐBH bị Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn trong thời gian Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực.	Tỷ lệ % của 2.000.000.000 đồng tùy thuộc vào tình trạng Chấn thương của NĐBH như được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này, tối đa 400.000.000 đồng.	
Quyền lợi bảo hiểm Gãy xương do Tai nạn	NĐBH bị Gãy xương do Tai nạn trong thời gian Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực.	Tỷ lệ % của 2.000.000.000 đồng tùy thuộc vào tình trạng Gãy xương của NĐBH như được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này, tối đa 400.000.000 đồng.	
Quyền lợi bảo hiểm tử vong do Tai nạn	NĐBH tử vong do Tai nạn máy bay khi đang là hành khách trên một chuyến bay thương mại có lịch trình được định sẵn trong thời gian Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực.	6.000.000.000 đồng.	<i>Lưu ý: Trước khi chi trả quyền lợi bảo hiểm tử vong do Tai nạn, Shinhan Life Việt Nam</i>

Quyền lợi sản phẩm bảo hiểm	Điều kiện nhận quyền lợi	Số tiền chi trả	
	NĐBH tử vong trong thời gian Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực và do một trong các nguyên nhân sau đây: - Tai nạn giao thông khi đang là hành khách có mua vé trên các Phương tiện giao thông công cộng; hoặc - Tai nạn thang máy khi đang di chuyển trong Thang máy; hoặc - Tai nạn hỏa hoạn trong các Tòa nhà công cộng; hoặc - Tai nạn khi đang đi du lịch ở nước ngoài trong một chương trình tham quan do doanh nghiệp du lịch hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được phép tổ chức.	4.000.000.000 đồng.	sẽ trừ đi tổng số tiền đã chấp nhận chi trả cho các quyền lợi đã chi trả cho các sự kiện bảo hiểm Thương tật do Tai nạn, Bỏng do Tai nạn, Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn, Gãy xương do Tai nạn (nếu có).
	NĐBH tử vong do Tai nạn khác trong thời gian sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực.	2.000.000.000 đồng	
SẢN PHẨM BẢO HIỂM MIỄN THU PHÍ DO BỆNH HIỂM NGHÈO			
Miễn thu phí bảo hiểm do Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	NĐBH được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu sau khi kết thúc Thời gian chờ ^(***) và trong thời gian sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực.	Miễn thu phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm cho đến khi: - Kết thúc Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm Miễn thu phí do Bệnh hiểm nghèo; hoặc - Kết thúc thời hạn 02 năm kể từ ngày được miễn thu phí bảo hiểm. (tùy thời điểm nào đến trước).	
Miễn thu phí bảo hiểm do Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	- NĐBH được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối và sau khi kết thúc Thời gian chờ^(***) và trong thời gian sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực; và - NĐBH phải còn sống sau 07 ngày kể từ ngày Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối được chẩn đoán xác định.	Miễn thu phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm đến Ngày đáo hạn của Sản phẩm bảo hiểm Miễn thu phí do Bệnh hiểm nghèo.	

Quyền lợi sản phẩm bảo hiểm	Điều kiện nhận quyền lợi	Số tiền chi trả
Người được bảo hiểm 3: HOÀNG THẢO MY		
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO NÂNG CAO^(**)		
Quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	NĐBH được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu sau khi kết thúc Thời gian chờ ^(***) và trong thời gian sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực. Shinhan Life Việt Nam chi trả tối đa cho 02 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu với điều kiện là: (i) 02 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu được chẩn đoán phải thuộc các Nhóm bệnh hiểm nghèo khác nhau; và (ii) Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ hai được chẩn đoán xác định sau 12 tháng kể từ ngày Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ nhất được chẩn đoán xác định.	500.000.000 đồng. <i>Lưu ý: Nếu NĐBH tham gia nhiều hơn một HĐBH tại Shinhan Life Việt Nam, thì tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả cho mỗi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của tất cả HĐBH tối đa là 500.000.000 đồng.</i>
Quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	- NĐBH được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối sau khi kết thúc Thời gian chờ ^(***) và sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực; và - NĐBH phải còn sống sau 07 ngày kể từ ngày Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối được chẩn đoán xác định. Shinhan Life Việt Nam chi trả tối đa cho 02 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối với điều kiện là: (i) 02 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối được chẩn đoán phải thuộc các Nhóm bệnh hiểm nghèo khác nhau; và	2.000.000.000 đồng (sẽ khấu trừ Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu cho Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu thuộc cùng Nhóm bệnh hiểm nghèo đã được chi trả trước đó).

Quyền lợi sản phẩm bảo hiểm	Điều kiện nhận quyền lợi	Số tiền chi trả
	(ii) Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối lần thứ hai được chẩn đoán xác định sau 12 tháng kể từ ngày Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối lần thứ nhất được chẩn đoán xác định.	

Ghi chú:

(*) Trường hợp (các) sự kiện bảo hiểm xảy ra trước khi NĐBH đạt đủ 04 Tuổi bảo hiểm, số tiền chi trả của các quyền lợi bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ chi trả như quy định trong Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm liên quan.

(**) Đối với quy định về Thời gian chờ, Quý khách vui lòng xem quy định tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm bảo hiểm tham gia.

CHI TIẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN DIỆN

Bảng chi tiết Quyền lợi Điều trị nội trú:

Đơn vị tính: đồng

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Titan	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
Quyền lợi tối đa trong mỗi Năm hợp đồng	100 triệu	250 triệu	500 triệu	1 tỷ	3 tỷ
A. Nằm viện và Phẫu thuật					
Giới hạn số tiền tối đa được chi trả (áp dụng cho các mục từ 1 đến 9)	30 triệu/ Đợt điều trị	75 triệu/ Đợt điều trị	150 triệu/ Đợt điều trị	300 triệu/ Đợt điều trị	900 triệu/ Đợt điều trị
Phạm vi bảo hiểm	Giới hạn phụ				
1. Chi phí giường điều trị (tối đa 100 ngày/Năm hợp đồng)	750 nghìn/ Ngày nằm viện	1,5 triệu/ Ngày nằm viện	2,5 triệu/ Ngày nằm viện	5 triệu/ Ngày nằm viện	15 triệu/ Ngày nằm viện
2. Chi phí giường điều trị tại Khoa chăm sóc đặc biệt (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	1,5 triệu/ Ngày nằm viện	3 triệu/ Ngày nằm viện	5 triệu/ Ngày nằm viện	10 triệu/ Ngày nằm viện	30 triệu/ Ngày nằm viện
3. Chi phí giường cho người thân (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	250 nghìn/ Ngày nằm viện	500 nghìn/ Ngày nằm viện	800 nghìn/ Ngày nằm viện	1,5 triệu/ Ngày nằm viện	2,5 triệu/ Ngày nằm viện
4. Trợ cấp nằm viện cho Đợt điều trị từ 03 ngày liên tục trở lên (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	200 nghìn/ Ngày nằm viện	500 nghìn/ Ngày nằm viện	1 triệu/ Ngày nằm viện	2 triệu/ Ngày nằm viện	3 triệu/ Ngày nằm viện
5. Chi phí Phẫu thuật	Theo Chi phí y tế thực tế				
6. Chi phí Điều trị trước khi nhập viện	Theo Chi phí y tế thực tế				

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Titan	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
7. Chi phí Điều trị sau khi xuất viện	Theo Chi phí y tế thực tế				
8. Chi phí y tế chăm sóc tại nhà <i>(tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)</i>	120 nghìn/ ngày	250 nghìn/ ngày	500 nghìn/ ngày	1 triệu/ ngày	1,5 triệu/ ngày
9. Các chi phí Điều trị nội trú khác	Theo Chi phí y tế thực tế				
B. Điều trị các bệnh nghiêm trọng					
1. Chi phí điều trị ung thư	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Chi phí Cấy ghép nội tạng <i>(chi trả 01 lần duy nhất)</i>	Theo Chi phí y tế thực tế				
C. Các quyền lợi khác					
Phạm vi bảo hiểm	Giới hạn phụ				
1. Chi phí điều trị cấp cứu do Tai nạn	1,5 triệu/ Năm hợp đồng	3 triệu/ Năm hợp đồng	5 triệu/ Năm hợp đồng	10 triệu/ Năm hợp đồng	20 triệu/ Năm hợp đồng
2. Chi phí điều trị nha khoa cấp cứu do Tai nạn	1,5 triệu/ Năm hợp đồng	3 triệu/ Năm hợp đồng	5 triệu/ Năm hợp đồng	10 triệu/ Năm hợp đồng	20 triệu/ Năm hợp đồng
3. Chi phí xe cứu thương <i>(tối đa 04 lần/Năm hợp đồng)</i>	Theo Chi phí y tế thực tế				
4. Chi phí Phẫu thuật trong ngày	3 triệu/ Đợt điều trị	6 triệu/ Đợt điều trị	10 triệu/ Đợt điều trị	15 triệu/ Đợt điều trị	25 triệu/ Đợt điều trị
5. Chi phí điều trị lọc máu – chạy thận nhân tạo	5 triệu/ Năm hợp đồng	10 triệu/ Năm hợp đồng	15 triệu/ Năm hợp đồng	30 triệu/ Năm hợp đồng	90 triệu/ Năm hợp đồng

CHI TIẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN DIỆN (TIẾP THEO)

Bảng chi tiết Quyền lợi Điều trị ngoại trú

Đơn vị tính: đồng

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Titan	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
Quyền lợi tối đa trong mỗi Năm hợp đồng	5 triệu	10 triệu	20 triệu	40 triệu	120 triệu
Đồng thanh toán(*)	20%			Không áp dụng	
Giới hạn số tiền tối đa được chi trả (áp dụng cho các hạng mục từ 1 đến 5)	500 nghìn/ Lần khám	1 triệu/ Lần khám	2 triệu/ Lần khám	4 triệu/ Lần khám	12 triệu/ Lần khám
1. Chi phí thăm khám, kiểm tra y tế	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Chi phí xét nghiệm hoặc chẩn đoán hình ảnh					
3. Chi phí thuốc kê toa					
4. Chi phí vật lý trị liệu					
5. Chi phí vật tư y tế					

(*) Đồng thanh toán: là tỷ lệ phần trăm tính trên Chi phí y tế thực tế mà NĐBH có trách nhiệm chi trả cho mỗi sự kiện bảo hiểm.

MINH HỌA PHÍ BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN DIỆN

Người được bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN										
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Phí bảo hiểm (đồng/năm)	4.526.000	4.526.000	4.526.000	4.526.000	4.526.000	2.049.000	2.049.000	2.049.000	2.049.000	2.049.000

Ghi chú: Phí bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện được minh họa tại (các) bảng ở trên được xác định dựa trên cơ sở Tuổi bảo hiểm, giới tính, điều kiện bảo hiểm của NĐBH và định kỳ đóng phí mà BMBH đã lựa chọn, và với giả định rằng BMBH không thay đổi Chương trình bảo hiểm cũng như các quyền lợi bảo hiểm.

DANH SÁCH CÁC BỆNH HIỂM NGHÈO ĐƯỢC BẢO HIỂM

Áp dụng cho Sản phẩm bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nâng cao, Sản phẩm bảo hiểm Miễn thu phí do bệnh hiểm nghèo

Nhóm bệnh	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối
Nhóm I – Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ của một số cơ quan	1. Ung thư giai đoạn cuối
	2. Ung thư giai đoạn đầu của một số cơ quan	
Nhóm II – Các cơ quan chính	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận	2. Suy thận mạn tính
	4. Phẫu thuật gan	3. Suy gan giai đoạn cuối
	5. Phẫu thuật cắt một bên phổi	4. Bệnh phổi giai đoạn cuối
	6. Ghép giác mạc	5. Thiếu máu bất sản
	7. Hen suyễn nặng	6. Cấy ghép tủy xương
	8. Thiếu máu bất sản có thể hồi phục	7. Phẫu thuật ghép tạng
	9. Ghép ruột non	8. Viêm gan tự miễn mạn tính
	10. Phẫu thuật tái tạo đường mật	9. Viêm tụy mạn tính tái phát
	11. Viêm tụy cấp hoại tử	10. Viêm gan vi rút tối cấp
	12. Hội chứng loạn sản tủy	11. Bệnh nang tủy thận
	13. Đặt màng lọc tĩnh mạch chủ	12. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận
	14. Phẫu thuật nong mạch vành	13. Bệnh cơ tim
Nhóm III – Hệ tuần hoàn (tim và mạch máu)	15. Đặt máy khử rung tim	14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành
	16. Đặt máy tạo nhịp tim	15. Hội chứng Eisenmenger
	17. Phình động mạch chủ không có triệu chứng	16. Nhồi máu cơ tim
	18. Phẫu thuật bắc cầu mạch vành xâm lấn tối thiểu	17. Phẫu thuật hở điều trị bệnh van tim
	19. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu	18. Bệnh mạch vành nghiêm trọng khác
	20. Phẫu thuật van tim hoặc nong van tim qua da	19. Tăng huyết áp phổi nguyên phát
	21. Tăng huyết áp phổi thứ phát	20. Phẫu thuật động mạch chủ
	22. Phẫu thuật viêm màng ngoài tim co thắt	21. Viêm nội tâm mạc do vi khuẩn
	23. Phẫu thuật điều trị động kinh kháng thuốc	22. Bệnh Alzheimer/Sa sút trí tuệ trầm trọng
Nhóm IV – Hệ thần kinh – cơ xương khớp	24. Bệnh Parkinson giai đoạn đầu	23. Bệnh Parkinson
	25. Phẫu thuật u tuyến yên	24. Phẫu thuật não
	26. Hôn mê kéo dài ít nhất 72 giờ	25. Hôn mê kéo dài ít nhất 96 giờ
	27. Phẫu thuật động mạch cảnh	26. Bệnh Creutzfeldt-Jacob

Nhóm bệnh	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối
	28. Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng	27. Chấn thương sọ não nghiêm trọng
	29. Phẫu thuật phình động mạch não	28. Bệnh thần kinh vận động
	30. Phẫu thuật xoang hang	29. Bệnh xơ cứng rải rác
	31. Phẫu thuật cắt bỏ u màng não	30. Loạn dưỡng cơ
		31. Bệnh nhược cơ
		32. Liệt
		33. Bại liệt
		34. Gãy cột sống do tai nạn
		35. Đột quỵ
		36. Viêm màng não do vi khuẩn
		37. U não lành tính
		38. Loãng xương nghiêm trọng
		39. Viêm não do vi rút
		40. Hội chứng Apallic
		41. Xơ cứng cột bên teo cơ
		42. Liệt tứ chi do chấn thương tủy sống
Nhóm V – Các Bệnh hiểm nghèo khác	32. Phẫu thuật cấy ghép ốc tai	43. Bệnh Crohn's có biến chứng
	33. Bồng không nghiêm trọng	44. Bồng nặng
	34. Mất thính lực một phần	45. Điếc
	35. Mất thị lực một mắt	46. Mù
	36. Mất một tay hoặc một chân	47. Câm
		48. U tủy thượng thận
		49. Nhiễm HIV do truyền máu
		50. Nhiễm HIV do nghề nghiệp
		51. Suy tuyến thượng thận mạn tính
		52. Xơ cứng bì tiến triển
		53. Phẫu thuật cắt bỏ đại tràng do viêm loét
		54. Viêm cân cơ hoại tử
		55. Phẫu thuật vẹo cột sống nguyên phát

2. Tóm tắt các điều khoản loại trừ bảo hiểm

Sản phẩm bảo hiểm	Các trường hợp loại trừ bảo hiểm
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung SHINHAN – AN THỊNH	Shinhan Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này nếu NĐBH tử vong hoặc bị TTTBVV do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây gây ra: a) Loại trừ bảo hiểm đối với Quyền lợi bảo hiểm tử vong: - Hành động tự tử trong thời hạn 24 tháng kể từ (i) Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc - Do hành vi cố ý của NĐBH, BMBH hoặc Người thụ hưởng; hoặc - Sử dụng ma túy và các tiền chất thuộc danh mục theo quy định của pháp luật, hoặc sử dụng trái phép các chất gây nghiện, các chất kích thích; hoặc - NĐBH tử vong do bị thi hành án tử hình. b) Loại trừ bảo hiểm đối với Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV: - Hành động tự tử dù đang trong tình trạng tỉnh táo hay mất trí; hoặc - Tự gây thương tích hoặc tự gây Tai nạn, dù đang trong tình trạng tỉnh táo hay mất trí; hoặc - Do hành vi cố ý của NĐBH, BMBH hoặc Người thụ hưởng; hoặc - Sử dụng ma túy và các tiền chất thuộc danh mục theo quy định của pháp luật, hoặc sử dụng trái phép các chất gây nghiện, các chất kích thích; hoặc - Tham gia các hoạt động nguy hiểm như nhảy dù, thể thao trên không, leo núi, săn bắn, đua xe, đua ngựa, lặn, trừ khi cố gắng cứu sống tính mạng con người; tham gia hoạt động hàng không, trừ khi là hành khách hoặc phi hành đoàn trên chuyến bay thương mại; hoặc - Do Bệnh có sẵn, ngoại trừ các trường hợp Bệnh có sẵn đã được BMBH kê khai trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và được Shinhan Life Việt Nam chấp thuận bảo hiểm thì khi đó quyền lợi bảo hiểm vẫn được chi trả theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này. <i>Chi tiết về các trường hợp loại trừ bảo hiểm được quy định tại Điều 22 Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung Shinhan – An Thịnh.</i>
Sản phẩm bảo hiểm Tử vong và Thương tật do Tai nạn	Shinhan Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này nếu NĐBH tử vong hoặc bị Tổn thương do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây: - Hành động tự tử dù đang trong tình trạng tỉnh táo hay mất trí; hoặc - Tự gây thương tích hoặc tự gây Tai nạn, dù đang trong tình trạng tỉnh táo hay mất trí; hoặc - Do hành vi cố ý của NĐBH, BMBH hoặc Người thụ hưởng; hoặc

Sản phẩm bảo hiểm	Các trường hợp loại trừ bảo hiểm
	- Sử dụng ma túy và các tiền chất thuộc danh mục theo quy định của pháp luật, hoặc sử dụng trái phép các chất gây nghiện; hoặc - Các trường hợp loại trừ bảo hiểm khác quy định tại Điều 6 Quy tắc và Điều khoản. <i>Chi tiết về các trường hợp loại trừ bảo hiểm được quy định tại Điều 6 Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm Tử vong và Thương tật do Tai nạn.</i>
Sản phẩm bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nâng cao	Shinhan Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này nếu NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây: - Tự gây thương tích hoặc tự gây Tai nạn, dù đang trong tình trạng tinh tảo hay mất trí; hoặc - Do hành vi cố ý của NĐBH, BMBH hoặc Người thụ hưởng; hoặc - Sử dụng ma túy và các tiền chất thuộc danh mục theo quy định của pháp luật, hoặc sử dụng trái phép các chất gây nghiện; hoặc - NĐBH bị nhiễm HIV hoặc bị hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS); hoặc - Các trường hợp loại trừ bảo hiểm khác quy định tại Điều 8 Quy tắc và Điều khoản. <i>Chi tiết về các trường hợp loại trừ bảo hiểm được quy định tại Điều 8 Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nâng cao.</i>
Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện	Shinhan Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này nếu NĐBH Điều trị nội trú, Điều trị ngoại trú, điều trị nha khoa và/hoặc thai sản phát sinh từ, liên quan đến hay là hậu quả của một trong các trường hợp sau: - Bệnh có sẵn, ngoại trừ các trường hợp Bệnh có sẵn đã được BMBH kê khai trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và được Shinhan Life Việt Nam chấp thuận bảo hiểm thì khi đó quyền lợi bảo hiểm vẫn được chi trả theo Quy tắc và Điều khoản này; hoặc - Bệnh bẩm sinh; hoặc - Thăm khám và/hoặc điều trị liên quan đến hỗ trợ sinh sản (bao gồm điều trị vô sinh, thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi thai/chuyển phôi; các phương pháp kế hoạch hóa gia đình (bao gồm tránh thai, triệt sản), nạo phá thai mà lý do không liên quan đến chỉ định của Bác sĩ; hoặc - Tất cả các thăm khám và điều trị liên quan đến thai sản, sinh con và các biến chứng thai sản đối với sinh thường và sinh mổ, trừ trường hợp NĐBH được bảo hiểm theo Quyền lợi Thai sản; hoặc - Các trường hợp loại trừ bảo hiểm khác quy định tại Điều 10 Quy tắc và Điều khoản. <i>Chi tiết về các trường hợp loại trừ bảo hiểm được quy định tại Điều 10 Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện.</i>

Sản phẩm bảo hiểm	Các trường hợp loại trừ bảo hiểm
Sản phẩm bảo hiểm Miễn thu phí do Bệnh hiểm nghèo	Shinhan Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này nếu NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây: • Tự gây thương tích hoặc tự gây Tai nạn, dù đang trong tình trạng tinh táo hay mất trí; hoặc • Do hành vi cố ý của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng; hoặc • Sử dụng ma túy và các tiền chất thuộc danh mục theo quy định của pháp luật, hoặc sử dụng trái phép các chất gây nghiện; hoặc • Người được bảo hiểm bị nhiễm HIV hoặc bị hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS); hoặc • Các trường hợp loại trừ bảo hiểm khác quy định tại Điều 6 Quy tắc và Điều khoản. <i>Chi tiết về các trường hợp loại trừ bảo hiểm được quy định tại Điều 6 Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm Miễn thu phí do Bệnh hiểm nghèo.</i>

Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, điều kiện chi trả và điều khoản loại trừ bảo hiểm. Quý Khách hàng có thể xem và tải về (các) Quy tắc và Điều khoản tại website của Shinhan Life Việt Nam: <https://shinhanlifevn.com.vn/shinhan-an-thinh>.

3. Giải thích các thuật ngữ, phí đem đi đầu tư và các khoản phí tính cho khách hàng

❖ Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung Shinhan – An Thịnh:

- a) **Phí bảo hiểm cơ bản:** là khoản phí bảo hiểm mà BMBH phải đóng cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung này trong mỗi Năm hợp đồng. Phí bảo hiểm cơ bản đem đi đầu tư bằng Phí bảo hiểm cơ bản mà BMBH thực đóng trừ đi Phí ban đầu.
- b) **Phí bảo hiểm đóng thêm:** là khoản phí bảo hiểm mà BMBH đóng thêm sau khi đã đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn. Phí bảo hiểm đóng thêm đem đi đầu tư bằng Phí bảo hiểm đóng thêm mà BMBH thực đóng. Phí ban đầu không áp dụng đối với Phí bảo hiểm đóng thêm.
- c) **Giá trị tài khoản cơ bản:** là số tiền được tích lũy từ các khoản Phí bảo hiểm cơ bản sau khi đã trừ đi Phí ban đầu, Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng và các khoản chi phí khác (nếu có), cộng với các khoản tiền được tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản (nếu có).
- d) **Giá trị tài khoản đóng thêm:** là số tiền được tích lũy từ các khoản Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ sau khi đã trừ đi các khoản chi phí (nếu có), cộng với các khoản tiền được tích lũy vào Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có).
- e) **Giá trị tài khoản hợp đồng:** là tổng số tiền của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm.
- f) **Giá trị hoàn lại:** là số tiền mà BMBH sẽ được nhận khi chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, được xác định bằng Giá trị tài khoản cơ bản trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có). Việc minh họa Giá trị hoàn lại được thể hiện tại các bảng minh họa của mục 1.2, 1.3, 2.2 và 2.3 phần III của Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này.

g) Các khoản phí tính cho khách hàng:

- **Phí ban đầu:** được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản như sau:

Năm đóng phí	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Từ Năm 6 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản	50%	30%	20%	20%	20%	0%

Phí ban đầu không áp dụng đối với Phí bảo hiểm đóng thêm.

- **Phí rủi ro:** là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày phát hành giấy chứng nhận bảo hiểm và các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo HĐBH, được xác định theo Tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.
- **Phí quản lý hợp đồng:** là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày phát hành giấy chứng nhận bảo hiểm và các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng để chi trả cho việc quản lý, duy trì hiệu lực của HĐBH và cung cấp các thông tin liên quan đến HĐBH cho BMBH, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/ tháng

Năm	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	Từ 2034 trở đi
Phí quản lý hợp đồng	42.000	44.000	46.000	48.000	50.000	52.000	54.000	56.000	58.000	60.000

- **Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn:** là khoản phí mà BMBH phải chịu khi yêu cầu chấm dứt HĐBH trước thời hạn và được khấu trừ từ Giá trị tài khoản cơ bản. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được tính bằng tỷ lệ % Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên, cụ thể như sau:

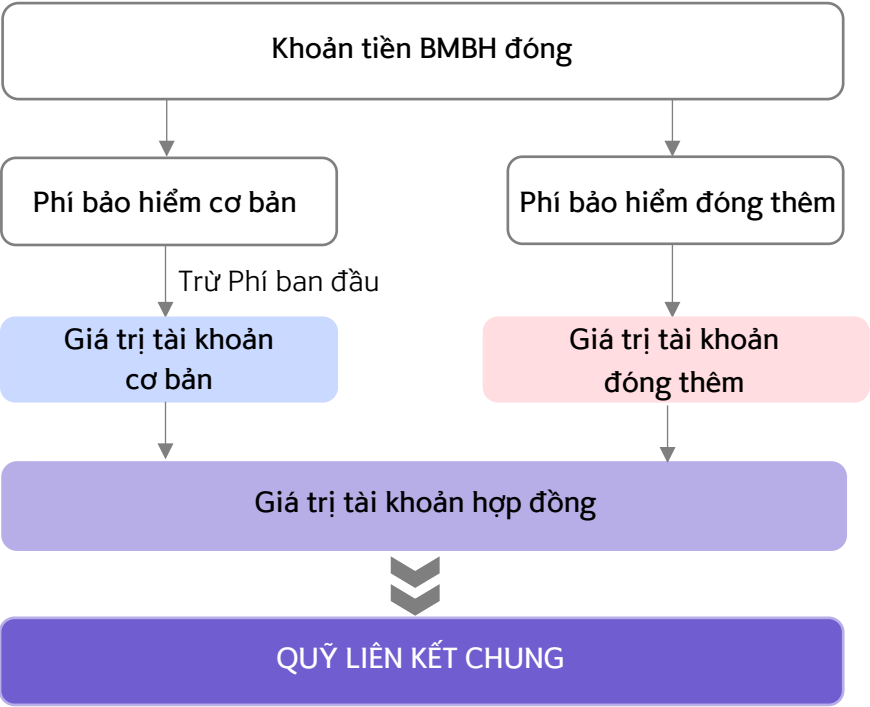
Năm hợp đồng	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Từ Năm 6 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên	100%	80%	60%	30%	10%	0%

- **Phí quản lý quỹ:** là khoản phí dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, hoạt động định giá tài sản, hoạt động giám sát và quản lý Quỹ liên kết chung. Trong mỗi Năm hợp đồng, mức Phí quản lý quỹ tối đa là 2,0% mỗi năm và không vượt quá mức Lãi suất đầu tư công bố của Quỹ liên kết chung. Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Shinhan Life Việt Nam xác định kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung.

4. Mô tả hoạt động của Quỹ liên kết chung

4.1. Thông tin chung về Quỹ liên kết chung

Quỹ liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản và các khoản Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ của tất cả các hợp đồng sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.



Quỹ liên kết chung được Shinhan Life Việt Nam quản lý và đầu tư phù hợp với quy định pháp luật hiện hành cùng với mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và danh mục đầu tư như sau:

Mục tiêu đầu tư	Quỹ liên kết chung được đầu tư với mục tiêu xây dựng danh mục đầu tư cân đối, đa dạng, có tính thanh khoản cao nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro cho đồng vốn đầu tư, mang lại lợi ích tài chính dài hạn tốt nhất cho khách hàng.
Chính sách đầu tư	Quỹ liên kết chung của Shinhan Life Việt Nam chủ yếu tập trung đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, giấy tờ có giá và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.
Danh mục đầu tư	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, giấy tờ có giá và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.

Vui lòng tham khảo chi tiết về mục tiêu, chính sách đầu tư và danh mục đầu tư của Quỹ liên kết chung được quy định tại Điều 30 Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung Shinhan – An Thịnh.
Tình hình hoạt động của Quỹ liên kết chung sẽ được cập nhật thường xuyên trên website của Shinhan Life Việt Nam tại địa chỉ: <https://shinhanlifevn.com.vn/quy-lien-ket-chung>

4.2. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung

Năm	Lãi suất đầu tư công bố của Quỹ liên kết chung
2025	Quỹ mới thành lập năm 2025

Shinhan Life Việt Nam chính thức thành lập Quỹ liên kết chung từ năm 2025 và sẽ công bố kết quả đầu tư thực tế của Quỹ hàng năm trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Lãi suất đầu tư trong quá khứ chỉ nhằm mục đích tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo cho các mức lãi suất đầu tư trong tương lai.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG SHINHAN – AN THỊNH

1. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ phí bảo hiểm dự kiến (Thời hạn đóng phí dự kiến là 30 năm)

1.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản (1)	Phí bảo hiểm đóng thêm (2)	Tổng phí bảo hiểm (3) = (1) + (2)	Phí bảo hiểm cơ bản (4)	Phí bảo hiểm đóng thêm (5)	Tổng phí ban đầu (6) = (4) + (5)	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ Phí ban đầu (7)	Phí bảo hiểm đóng thêm (8)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư (9) = (7) + (8)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)	Tại mức lãi suất đầu tư dự kiến ⁽ⁱ⁾ (không đảm bảo)
1 5	17.100	2.900	20.000	8.550	-	8.550	8.550	2.900	11.450	516	1.195	1.195
2 6	17.100	2.900	20.000	5.130	-	5.130	11.970	2.900	14.870	540	1.157	1.157
3 7	17.100	2.900	20.000	3.420	-	3.420	13.680	2.900	16.580	564	1.118	1.118
4 8	17.100	2.900	20.000	3.420	-	3.420	13.680	2.900	16.580	588	1.095	1.094
5 9	17.100	2.900	20.000	3.420	-	3.420	13.680	2.900	16.580	612	1.072	1.070
6 10	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	636	1.047	1.044
7 11	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	660	1.068	1.064
8 12	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	684	1.103	1.097
9 13	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	708	1.151	1.143
10 14	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.213	1.202
11 15	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.268	1.253
12 16	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.328	1.306
13 17	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.368	1.337
14 18	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.410	1.370
15 19	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.437	1.386
16 20	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.464	1.400
17 21	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.470	1.389
18 22	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.482	1.384
19 23	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.495	1.376
20 24	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.519	1.378

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản (1)	Phí bảo hiểm đóng thêm (2)	Tổng phí bảo hiểm (3) = (1) + (2)	Phí bảo hiểm cơ bản (4)	Phí bảo hiểm đóng thêm (5)	Tổng phí ban đầu (6) = (4) + (5)	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ Phí ban đầu (7)	Phí bảo hiểm đóng thêm (8)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư (9) = (7) + (8)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)	Tại mức lãi suất đầu tư dự kiến ⁽ⁱ⁾ (không đảm bảo)
25 29	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.614	1.428
30 34	17.100	2.900	20.000	-	-	-	17.100	2.900	20.000	720	1.857	1.624
35 39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	2.678	2.330
40 44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.988	3.453
45 49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.605	4.829
50 54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	8.149	6.984
55 59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.236	9.579
60 64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	17.691	15.003
65 69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	28.829	24.324
70 74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	54.572	45.819
73 77	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	(*)	71.275
75 79	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	96.258
76 80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	97.279
79 83	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	(*)
Tổng cộng	513.000	87.000	600.000	23.940	-	23.940	489.060	87.000	576.060	55.908	787.698	1.367.303

⁽ⁱ⁾ Mức lãi suất đầu tư dự kiến là 5,0%/năm trong 20 năm đầu tiên và 0,5%/năm từ năm thứ 21 trở đi.

^(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

1.2. Minh họa về quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						Các khoản rút tiền (dự kiến)
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản (1)	Giá trị tài khoản đóng thêm (2)	Giá trị tài khoản hợp đồng (3) = (1) + (2)	Giá trị hoàn lại	
1 5	20.000	11.450	2.003.002	-	7.106	3.002	10.107	3.002	-
2 6	20.000	14.870	2.006.079	-	17.924	6.079	24.003	10.323	-
3 7	20.000	16.580	2.009.249	-	30.845	9.249	40.094	29.834	-
4 8	20.000	16.580	2.012.513	763	44.914	12.513	57.428	52.298	-
5 9	20.000	16.580	2.015.876	-	58.642	15.876	74.517	72.807	-
6 10	20.000	20.000	2.019.245	-	75.930	19.245	95.175	95.175	-
7 11	20.000	20.000	2.022.700	-	93.611	22.700	116.311	116.311	-
8 12	20.000	20.000	2.026.240	2.543	114.211	26.240	140.451	140.451	-
9 13	20.000	20.000	2.029.869	-	132.710	29.869	162.579	162.579	-
10 14	20.000	20.000	2.033.588	8.550	160.147	33.588	193.734	193.734	-
11 15	20.000	20.000	2.037.037	-	177.908	37.037	214.945	214.945	-
12 16	20.000	20.000	2.040.536	5.740	201.608	40.536	242.144	242.144	-
13 17	20.000	20.000	2.044.087	-	219.884	44.087	263.971	263.971	-
14 18	20.000	20.000	2.047.692	-	238.392	47.692	286.084	286.084	-
15 19	20.000	20.000	2.051.353	-	257.161	51.353	308.514	308.514	-
16 20	20.000	20.000	2.054.524	8.639	282.082	54.524	336.606	336.606	-
17 21	20.000	20.000	2.057.711	-	298.482	57.711	356.193	356.193	-
18 22	20.000	20.000	2.060.915	-	314.951	60.915	375.866	375.866	-
19 23	20.000	20.000	2.064.134	-	331.496	64.134	395.630	395.630	-
20 24	20.000	20.000	2.067.370	38.591	386.684	67.370	454.054	454.054	-
25 29	20.000	20.000	2.083.791	-	471.746	83.791	555.537	555.537	-
30 34	20.000	20.000	2.100.627	-	557.956	100.627	658.583	658.583	-
35 39	-	-	2.103.171	-	556.820	103.171	659.991	659.991	-
40 44	-	-	2.105.777	-	549.796	105.777	655.574	655.574	-

Năm hợp đồng Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						Các khoản rút tiền (dự kiến)
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản (1)	Giá trị tài khoản đóng thêm (2)	Giá trị tài khoản hợp đồng (3) = (1) + (2)	Giá trị hoàn lại	
45 49	-	-	2.108.450	-	535.196	108.450	643.646	643.646	-
50 54	-	-	2.111.190	-	509.460	111.190	620.650	620.650	-
55 59	-	-	2.114.001	-	468.206	114.001	582.207	582.207	-
60 64	-	-	2.116.881	-	402.509	116.881	519.390	519.390	-
65 69	-	-	2.119.834	-	287.340	119.834	407.174	407.174	-
70 74	-	-	2.122.862	-	77.945	122.862	200.807	200.807	-
73 77	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-
Tổng cộng	600.000	576.060		64.826					-

(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

1.3. Minh họa về quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo) (Lãi suất đầu tư dự kiến là 5,0%/năm trong 20 năm đầu tiên và 0,5%/năm từ năm thứ 21 trở đi)						Các khoản rút tiền (dự kiến)
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản (1)	Giá trị tài khoản đóng thêm (2)	Giá trị tài khoản hợp đồng (3) = (1) + (2)	Giá trị hoàn lại	
1 5	20.000	11.450	2.003.045	-	7.221	3.045	10.266	3.045	-
2 6	20.000	14.870	2.006.242	-	18.408	6.242	24.650	10.970	-
3 7	20.000	16.580	2.009.601	-	31.970	9.601	41.571	31.311	-
4 8	20.000	16.580	2.013.126	785	46.990	13.126	60.116	54.986	-
5 9	20.000	16.580	2.016.827	-	61.977	16.827	78.803	77.093	-
6 10	20.000	20.000	2.020.713	-	81.305	20.713	102.018	102.018	-
7 11	20.000	20.000	2.024.797	-	101.569	24.797	126.366	126.366	-
8 12	20.000	20.000	2.029.082	2.720	125.494	29.082	154.576	154.576	-
9 13	20.000	20.000	2.033.581	-	147.823	33.581	181.405	181.405	-
10 14	20.000	20.000	2.038.305	8.550	179.746	38.305	218.051	218.051	-
11 15	20.000	20.000	2.043.271	-	204.690	43.271	247.962	247.962	-
12 16	20.000	20.000	2.048.480	6.488	237.288	48.480	285.768	285.768	-
13 17	20.000	20.000	2.053.949	-	264.995	53.949	318.944	318.944	-
14 18	20.000	20.000	2.059.692	-	294.054	59.692	353.746	353.746	-
15 19	20.000	20.000	2.065.730	-	324.592	65.730	390.322	390.322	-
16 20	20.000	20.000	2.072.061	10.647	367.247	72.061	439.308	439.308	-
17 21	20.000	20.000	2.078.709	-	401.399	78.709	480.108	480.108	-
18 22	20.000	20.000	2.085.690	-	437.263	85.690	522.953	522.953	-
19 23	20.000	20.000	2.093.032	-	474.992	93.032	568.024	568.024	-
20 24	20.000	20.000	2.100.728	43.569	558.111	100.728	658.840	658.840	-
25 29	20.000	20.000	2.117.993	-	648.379	117.993	766.372	766.372	-
30 34	20.000	20.000	2.135.693	-	740.129	135.693	875.821	875.821	-
35 39	-	-	2.139.123	-	745.088	139.123	884.211	884.211	-

Năm hợp đồng Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo) (Lãi suất đầu tư dự kiến là 5,0%/năm trong 20 năm đầu tiên và 0,5%/năm từ năm thứ 21 trở đi)						Các khoản rút tiền (dự kiến)
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản (1)	Giá trị tài khoản đóng thêm (2)	Giá trị tài khoản hợp đồng (3) = (1) + (2)	Giá trị hoàn lại	
40 44	-	-	2.142.638	-	745.134	142.638	887.772	887.772	-
45 49	-	-	2.146.242	-	738.872	146.242	885.113	885.113	-
50 54	-	-	2.149.937	-	723.315	149.937	873.252	873.252	-
55 59	-	-	2.153.727	-	694.827	153.727	848.554	848.554	-
60 64	-	-	2.157.611	-	645.960	157.611	803.571	803.571	-
65 69	-	-	2.161.593	-	555.768	161.593	717.361	717.361	-
70 74	-	-	2.165.676	-	387.018	165.676	552.694	552.694	-
75 79	-	-	2.169.862	-	24.219	169.862	194.081	194.081	-
76 80	-	-	2.170.711	300.000	227.449	170.711	398.159	398.159	-
79 83	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-
Tổng cộng	600.000	576.060		372.758					-

(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

2. Minh họa trường hợp khách hàng đóng phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bảo hiểm bắt buộc (3 Năm hợp đồng đầu tiên)

2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản (1)	Phí bảo hiểm đóng thêm (2)	Tổng phí bảo hiểm (3) = (1) + (2)	Phí bảo hiểm cơ bản (4)	Phí bảo hiểm đóng thêm (5)	Tổng phí ban đầu (6) = (4) + (5)	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ Phí ban đầu (7)	Phí bảo hiểm đóng thêm (8)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư (9) = (7) + (8)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)	Tại mức lãi suất đầu tư dự kiến ⁽ⁱ⁾ (không đảm bảo)
1 5	17.100	2.900	20.000	8.550	-	8.550	8.550	2.900	11.450	516	1.195	1.195
2 6	17.100	2.900	20.000	5.130	-	5.130	11.970	2.900	14.870	540	1.157	1.157
3 7	17.100	2.900	20.000	3.420	-	3.420	13.680	2.900	16.580	564	1.118	1.118
4 8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	588	1.103	1.102
5 9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	612	1.088	1.086
6 10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	636	1.072	1.071
7 11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	1.104	1.102
8 12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	684	1.152	1.150
9 13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	708	1.216	1.213
10 14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.296	1.292
11 15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.376	1.371
12 16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.457	1.451
13 17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.522	1.514
14 18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.586	1.578
15 19	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.636	1.626
16 20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.685	1.675
17 21	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.719	1.707
18 22	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.753	1.740
19 23	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.787	1.773
20 24	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.837	1.822
25 29	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	2.112	2.104

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản (1)	Phí bảo hiểm đóng thêm (2)	Tổng phí bảo hiểm (3) = (1) + (2)	Phí bảo hiểm cơ bản (4)	Phí bảo hiểm đóng thêm (5)	Tổng phí ban đầu (6) = (4) + (5)	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ Phí ban đầu (7)	Phí bảo hiểm đóng thêm (8)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư (9) = (7) + (8)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)	Tại mức lãi suất đầu tư dự kiến ⁽ⁱ⁾ (không đảm bảo)
26 30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	(*)	2.187
30 34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	2.576
34 38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	(*)
Tổng cộng	51.300	8.700	60.000	17.100	-	17.100	34.200	8.700	42.900	23.268	37.980	60.506

⁽ⁱ⁾ Mức lãi suất đầu tư dự kiến là 5,0%/năm trong 20 năm đầu tiên và 0,5%/năm từ năm thứ 21 trở đi.

^(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

2.2. Minh họa về quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						Các khoản rút tiền (dự kiến)
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản (1)	Giá trị tài khoản đóng thêm (2)	Giá trị tài khoản hợp đồng (3) = (1) + (2)	Giá trị hoàn lại	
1 5	20.000	11.450	2.003.002	-	7.106	3.002	10.107	3.002	-
2 6	20.000	14.870	2.006.079	-	17.924	6.079	24.003	10.323	-
3 7	20.000	16.580	2.009.249	-	30.845	9.249	40.094	29.834	-
4 8	-	-	2.009.526	-	30.053	9.526	39.579	34.449	-
5 9	-	-	2.009.812	-	29.228	9.812	39.039	37.329	-
6 10	-	-	2.010.057	-	28.227	10.057	38.284	38.284	-
7 11	-	-	2.010.309	-	27.147	10.309	37.456	37.456	-
8 12	-	-	2.010.567	-	25.964	10.567	36.532	36.532	-
9 13	-	-	2.010.831	-	24.663	10.831	35.495	35.495	-
10 14	-	-	2.011.102	-	23.237	11.102	34.339	34.339	-
11 15	-	-	2.011.269	-	21.473	11.269	32.742	32.742	-
12 16	-	-	2.011.438	-	19.601	11.438	31.039	31.039	-
13 17	-	-	2.011.610	-	17.635	11.610	29.245	29.245	-
14 18	-	-	2.011.784	-	15.574	11.784	27.358	27.358	-
15 19	-	-	2.011.961	-	13.434	11.961	25.395	25.395	-
16 20	-	-	2.012.021	-	11.089	12.021	23.110	23.110	-
17 21	-	-	2.012.081	-	8.699	12.081	20.780	20.780	-
18 22	-	-	2.012.141	-	6.262	12.141	18.404	18.404	-
19 23	-	-	2.012.202	-	3.780	12.202	15.982	15.982	-
20 24	-	-	2.012.263	-	1.234	12.263	13.497	13.497	-
25 29	-	-	2.000.133	-	-	133	133	133	-
26 30	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-
Tổng cộng	60.000	42.900		-					-

(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

2.3. Minh họa về quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)						Các khoản rút tiền (dự kiến)
			(Lãi suất đầu tư dự kiến là 5,0%/năm trong 20 năm đầu tiên và 0,5%/năm từ năm thứ 21 trở đi)						
			Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản (1)	Giá trị tài khoản đóng thêm (2)	Giá trị tài khoản hợp đồng (3) = (1) + (2)	Giá trị hoàn lại	
1 5	20.000	11.450	2.003.045	-	7.221	3.045	10.266	3.045	-
2 6	20.000	14.870	2.006.242	-	18.408	6.242	24.650	10.970	-
3 7	20.000	16.580	2.009.601	-	31.970	9.601	41.571	31.311	-
4 8	-	-	2.010.081	-	31.834	10.081	41.914	36.784	-
5 9	-	-	2.010.585	-	31.681	10.585	42.266	40.556	-
6 10	-	-	2.011.114	-	31.513	11.114	42.627	42.627	-
7 11	-	-	2.011.671	-	31.284	11.671	42.955	42.955	-
8 12	-	-	2.012.255	-	30.965	12.255	43.220	43.220	-
9 13	-	-	2.012.868	-	30.541	12.868	43.409	43.409	-
10 14	-	-	2.013.511	-	30.003	13.511	43.514	43.514	-
11 15	-	-	2.014.188	-	29.359	14.188	43.548	43.548	-
12 16	-	-	2.014.898	-	28.599	14.898	43.497	43.497	-
13 17	-	-	2.015.643	-	27.734	15.643	43.377	43.377	-
14 18	-	-	2.016.425	-	26.762	16.425	43.187	43.187	-
15 19	-	-	2.017.248	-	25.694	17.248	42.943	42.943	-
16 20	-	-	2.018.111	-	24.520	18.111	42.631	42.631	-
17 21	-	-	2.019.016	-	23.254	19.016	42.270	42.270	-
18 22	-	-	2.019.967	-	21.891	19.967	41.858	41.858	-
19 23	-	-	2.020.968	-	20.429	20.968	41.397	41.397	-
20 24	-	-	2.022.017	-	18.840	22.017	40.857	40.857	-
25 29	-	-	2.022.573	-	5.673	22.573	28.246	28.246	-
30 34	-	-	2.013.318	-	-	13.318	13.318	13.318	-
34 38	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-
Tổng cộng	60.000	42.900		-					-

(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

MỘT SỐ THÔNG TIN LƯU Ý:

- Giá trị tài khoản hợp đồng, các quyền lợi minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết và mức lãi suất đầu tư dự kiến nêu trên được tính toán với điều kiện BMBH đóng đầy đủ các khoản phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí đã lựa chọn và được xác định vào cuối mỗi Năm hợp đồng. Giá trị tài khoản hợp đồng và các quyền lợi minh họa này có thể thay đổi tùy thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng, định kỳ đóng phí, các quyền lợi thường được chi trả, các khoản tiền rút ra từ Giá trị tài khoản hợp đồng cũng như kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung.
- Mức lãi suất đầu tư dự kiến 5,0% được xác định trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế bình quân của Quỹ chủ hợp đồng của Shinhan Life Việt Nam sau khi trừ đi phí quản lý quỹ và sẽ dùng để minh họa quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung này. Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất đảm bảo của Shinhan Life Việt Nam.
- Giá trị minh họa của các khoản thưởng trong bảng minh họa nêu trên bao gồm các khoản chi trả của Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng định kỳ, Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng đặc biệt và Quyền lợi An vui Tuổi vàng (nếu có). Số tiền minh họa của Giá trị tài khoản cơ bản, Giá trị tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại đã bao gồm khoản tiền chi trả của các khoản thưởng này.
- Các khoản rút tiền (dự kiến) được minh họa dựa trên dự kiến của BMBH khi lập tài liệu minh họa này, trong đó:
 - **Rút tiền từ Giá trị tài khoản đóng thêm:** BMBH có thể rút một phần hoặc toàn bộ Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) vào bất kỳ lúc nào trong thời gian HĐBH đang có hiệu lực.
 - **Rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản:** Sau khi đã rút toàn bộ Giá trị tài khoản đóng thêm, BMBH có thể yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản tối đa lên đến 80% Giá trị hoàn lại của tài khoản này. Khoản rút tiền có thể làm cho Số tiền bảo hiểm bị giảm nếu Giá trị tài khoản cơ bản sau khi rút thấp hơn Số tiền bảo hiểm.
- Trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, HĐBH sẽ được duy trì đầy đủ hiệu lực với điều kiện BMBH đóng đầy đủ và đúng hạn các khoản Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn và không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.
- Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ kê khai, cung cấp trung thực và đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của Shinhan Life Việt Nam trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm để Shinhan Life Việt Nam đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực HĐBH, hoặc thay đổi các điều kiện liên quan đến HĐBH. Việc vi phạm nghĩa vụ kê khai, cung cấp thông tin của Bên mua bảo hiểm có thể dẫn đến rủi ro không được chi trả quyền lợi bảo hiểm theo HĐBH và HĐBH có thể bị hủy bỏ nếu biết được thông tin chính xác, Shinhan Life Việt Nam đã không chấp nhận bảo hiểm, hoặc không chấp nhận khôi phục hiệu lực HĐBH, hoặc không chấp nhận thay đổi các điều kiện liên quan đến HĐBH.
- Việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm này là một cam kết dài hạn. Việc Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Để có thể tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm phù hợp với nhu cầu và tham khảo kết quả tính toán quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung Shinhan – An Thịnh, Quý Khách hàng vui lòng truy cập công cụ tính toán do Shinhan Life Việt cung cấp tại địa chỉ: <https://portal.shinhanlifevn.com.vn/cong-cu-tinh-phi-bao-hiem>. Quý Khách hàng có thể tham khảo Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung Shinhan – An Thịnh tại website của Shinhan Life Việt Nam: <https://shinhanlifevn.com.vn/shinhan-an-thinh>.

IV. XÁC NHẬN

Xác nhận của Bên mua bảo hiểm	Xác nhận của Đại lý bảo hiểm
Tôi, Bên mua bảo hiểm, đồng ý và xác nhận rằng: - Tôi đã được đại lý bảo hiểm có thông tin nêu trên (i) tiến hành phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn kế hoạch bảo hiểm phù hợp với nhu cầu, khả năng tài chính của tôi; (ii) tư vấn đầy đủ, giải thích các nội dung chi tiết của Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này, các quyền lợi bảo hiểm, các trường hợp loại trừ bảo hiểm và những nội dung khác của Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm được liệt kê trong Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này. Tôi xác nhận việc tham gia bảo hiểm là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc dưới bất kỳ hình thức nào. - Tôi xác nhận đã biết và đã được đại lý bảo hiểm có thông tin nêu trên hướng dẫn về công cụ tính toán trên trang https://portal.shinhanlifevn.com.vn/cong-cu-tinh-phi-bao-hiem giúp tôi có thể tự xây dựng được kế hoạch bảo hiểm và tham khảo tải về Quy tắc và Điều khoản Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung Shinhan – An Thịnh. - Tôi đã đọc và hiểu rõ toàn bộ nội dung của Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này và Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm được liệt kê trong Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này, bao gồm cả Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư cũng như các rủi ro đầu tư mà tôi có thể gặp phải khi tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, những lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm. - Tôi hiểu rằng Giá trị tài khoản hợp đồng và các Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung được minh họa tại Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của Bên mua bảo hiểm, định kỳ đóng phí, các quyền lợi thường được chi trả, các khoản tiền rút ra từ Giá trị tài khoản hợp đồng, tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. - Tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ theo định kỳ trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng. - Tôi hiểu rằng việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm này là một cam kết dài hạn. Việc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn có thể ảnh hưởng đến các quyền lợi mà Bên mua bảo hiểm nhận được vì các khoản chi phí của Hợp đồng bảo hiểm có thể rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng hoặc có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.	Tôi, đại lý bảo hiểm có thông tin như trên, xác nhận rằng chính tôi đã phân tích nhu cầu, khả năng tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của Bên mua bảo hiểm. Tôi đã giải thích đầy đủ, trung thực cho Bên mua bảo hiểm về chi tiết của Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm được liệt kê trong Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này.
Chữ ký: 556938 07/07/2025 14:05:30 Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÙNG Ngày: 07/07/2025	Chữ ký: 472331 07/07/2025 14:06:22 Họ và tên: NGUYỄN NHẬT NAM ANH Ngày: 07/07/2025 Mã số đại lý: AG012345